TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24/5/2024
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Quang Liêm và bà Nguyễn Thị Hồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký TAND huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*Anh **Bùi Văn L**, sinh năm 1989;
ĐKHKTT: thôn C, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;
- *Bị đơn:* Chị **Trương Thị H**, sinh ngày 1992;
ĐKHKTT: thôn C, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;
Chỗ ở: Thôn N, xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;
- *Người làm chứng*:
+ Ông **Trương Văn T**, sinh năm 1958.
Trú tại: thôn N, xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;
Anh L đề nghị giải quyết vắng mặt, chị H, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn anh Bùi Văn L trình bày:

+ Về hôn nhân: Anh và chị Trương Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ ngày 11/11/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Chị H không biết cách làm ăn, lo toan, vun vén công việc gia đình dẫn đến nợ nần nhiều, nhiều người đến đòi nợ. Tháng 8/2017, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ và sau đó đi làm ăn nay

đây mai đó, chị H không cho anh biết hiện đang làm gì, ở đâu. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Minh T, sinh ngày 26/7/2011 và Bùi Thị Trà M, sinh ngày 26/5/2013, hiện nay hai con đang ở với anh. Do chị H không có nhà, các con chung đều có nguyện vọng xin được ở với anh. Vì vậy, anh xin được nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh làm nghề lái xe, mức thu nhập khoảng từ 13 triệu đến 14 triệu đồng/tháng và đang ở ngôi nhà do vợ chồng xây dựng, có chỗ ở rộng rãi, đủ để bố con anh sinh sống.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn và nhiều lần triệu tập chị H đến làm việc, tham gia hòa giải thông qua đại diện gia đình là bố chị H, nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh L.

+ Kết quả làm việc với ông Trương Văn T (bố chị H) xác định: Chị H, anh L được tự do tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng nhiều lần cãi vã, to tiếng. Có lần mâu thuẫn, chị H đã bỏ về nhà ông ở, anh L đến tìm thì chị H về đoạn tụ, nhưng cũng chỉ được một thời gian lại tiếp tục mâu thuẫn. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng tình cảm giữa anh chị không tiến triển. Năm 2018, chị H bỏ về nhà ông ở hẳn và sau đó đi làm tự do, không có địa chỉ cố định. Do nợ nhiều nên chị H có về thăm nhà nhưng về vào ban đêm rồi lại đi ngay. Vừa qua, khi Tòa án giao các văn bản tố tụng, thông qua mạng xã hội ông có thông báo cho chị H biết về việc anh L xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung, tuy nhiên chị H không có ý kiến gì và có nhờ ông nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án. Do thực tế anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay, nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Anh chị có hai con chung như anh L đã trình bày, hiện hai cháu đang ở với anh L, được chăm sóc tốt. Do chị H không có nhà nên đề nghị Tòa án giao hai con cho anh L nuôi dưỡng.

+ Kết quả làm việc với đại diện UBND xã và các đoàn thể xã Q, trưởng thôn C đều cung cấp: Anh L, chị H được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại địa phương, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ vấn đề kinh tế. Do anh chị làm ăn thua lỗ, phải đi vay lãi ngày không trả được nên chủ nợ đến đe dọa, gây anh hưởng đến cuộc sống gia đình. Năm 2017 anh L, chị H bỏ đi làm ăn nhưng cuối năm 2017 chỉ thấy anh L về, còn chị H không về sống cùng với anh L từ đó cho đến nay, chị H đi đâu, làm gì địa phương không nắm được. Hiện chị H vẫn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, chưa cắt, chuyển khẩu đi nơi khác. Nay, anh L xin ly hôn chị H và yêu cầu giải quyết về con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật; Vợ chồng có 02 con chung như anh L đã trình bày, hiện các con đang ở với bố. Do các cháu đã lớn, chị

H không có mặt ở địa phương nên đề nghị Tòa án tiếp tục giao hai con chung cho anh L nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu.

Ngày 29/3/2024, Cục quản lý xuất nhập cảnh của Bộ Công an xác nhận chị Trương Thị H không có thông tin cấp hộ chiếu và không xuất cảnh.

Tại phiên toà, anh L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Chị H đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng không đến tham gia phiên tòa.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho anh Bùi Văn L được ly hôn chị Trương Thị H; Về con chung: Giao cho anh Bùi Văn L được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là Bùi Minh T, sinh ngày 26/7/2011 và Bùi Thị Trà M, sinh ngày 26/5/2013 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Anh Bùi Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Bùi Văn L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn chị Trương Thị H được Toà án triệu tập đến tham gia phiên toà hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt anh L, chị H.

[2] Về hôn nhân: Anh Bùi Văn L và chị Trương Thị H kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ ngày 11/11/2010 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc, hoà thuận đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm. Theo anh L trình bày, chị H không biết lo toan, vun vén công việc gia đình, chơi bời dẫn đến nợ nần nhiều, nhiều người đòi nợ từ đó mà vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Theo ông Trọng bố đẻ chị H xác định, nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, cộng với việc làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều không trả được. Từ năm 2018, chị H đã về nhà ông sinh sống và sau đó đi làm ăn tự do nay đây mai đó, vợ chồng không đoàn tụ với nhau. Căn cứ vào các tài liệu Toà án thu thập được xác định chị H hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương,

hiện đi làm ăn tự do, không xuất cảnh. Anh L đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn tại thời điểm khởi kiện và đã được UBND xã Quang Trung xác nhận được coi là đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên khi chị H đi làm ăn nơi khác gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nhưng không thông báo cho anh L biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự được coi là cố tình giấu địa chỉ, gây khó khăn cho anh L trong việc ly hôn. Từ khi Toà án thụ lý vụ án đến nay, mặc dù chị H biết Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu của anh L nhưng chị H cũng không về Toà án để làm việc, tham gia hoà giải theo các văn bản tố tụng đã được Toà án giao cho người thân và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, anh L vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa anh L, chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh L được ly hôn chị H là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Minh T, sinh ngày 26/7/2011 và Bùi Thị Trà M, sinh ngày 26/5/2013. Xét nguyện vọng của các con chung và quan điểm của anh L thấy rằng: Cả hai con chung đều có nguyện vọng được ở với bố, anh L có nghề nghiệp là lái xe, có thu nhập trung bình khoảng từ 13 triệu đến 14 triệu đồng/tháng, có nhà ở để bố con sinh hoạt, thuộc trường hợp đủ điều kiện nuôi con. Trong suốt thời gian anh L không có nhà, hai con vẫn ở với anh L, được chăm sóc đầy đủ, đảm bảo về sức khỏe, học tập, đến nay hai cháu đang có cuộc sống ổn đinh, chị H không có mặt tại địa phương. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của con chung, cần tiếp tục giao hai con chung là Bùi Minh T, sinh ngày 26/7/2011 và Bùi Thị Trà M, sinh ngày 26/5/2013 cho anh L nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh L không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Bùi Văn L khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn L được ly hôn chị Trương Thị H.

2. Về con chung: Giao cho anh Bùi Văn L được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung Bùi Minh T, sinh ngày 26/7/2011 và Bùi Thị Trà M, sinh ngày 26/5/2013 cho đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Bùi Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, theo biên lai số AA/2023/0000214 ngày 17/10/2023.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân